

**KIM CANG THỦ QUANG MINH QUÁN ĐẢNH KINH  
TÔI THẮNG LẬP AN THÁNH VÔ ĐỘNG TÔN  
ĐẠI OAI NỘ NIỆM TỤNG NGHI QUỸ PHÁP PHẨM  
\_ MỘT QUYỀN \_**

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện, Tam tạng Sa-môn Đại Quảng Trí **BÁT KHÔNG** phụng chiếu dịch

Việt dịch: Sa Môn **THÍCH QUẢNG TRÍ**

Phục hồi Phạn Chú: **HUYỀN THANH**

Khi bấy giờ Bồ-tát Kim Cang Thủ nhập vào Tam-Ma-Địa tên là **Kim Cang Đẳng Chí Xí Thạnh Quang Diễm**, ánh quang này chiếu khắp hết thấy các cõi Phật, thiêu đốt ba cõi, ở trong đó hết thấy các loài Ma gây chướng nạn, hết thấy **Vĩ-Năng-Dã-Ca** (Vināyaka), **La-Sát-Sa** (Rākṣasa) ...vv, đều bị lửa kia thiêu đốt đến hết thấy các chi phần khổ não khắp thân, tâm thần hoảng hốt thấy đều la lớn như người trong đời khi gặp khổ nạn lớn bức bách kêu lên “**Mật mật**”, tiếng này vang khắp ba ngàn đại thiên thế giới, hết thấy chúng sanh khi nghe tiếng này đều sợ sệt bỏ chạy, quy y theo Phật và nói rằng: “Thế Tôn! Hết thấy chúng con đều quy mạng Tam Bảo.”

Thời **Kim Cang Thủ Bồ-Tát** (Vajra-pāṇi bodhisatva) từ trong **Tam-Ma-Địa** (Samādhi) xuất ra, hỏi ngài **Văn-Thù-Sur-Lợi** (Mañjuśrī): “Ngài có biết tại sao chư Thiên Đế Thích v.v... đều đến chỗ này?”

Ngài **Văn-Thù-Sur-Lợi Bồ-Tát** bảo ngài **Kim Cang Thủ Bồ-Tát** rằng: “Tôi không thể biết, chỉ có Như Lai mới hiểu được.”

Nói lời này xong hai vị đại sĩ đều ngồi yên.

Thời **Kim Cang Thủ Bồ-Tát** lại bảo ngài **Văn-Thù-Sur-Lợi Bồ-Tát** rằng: “Có Đại Oai Nộ Vương (vua mạnh mẽ, hung dữ) tên là **Thánh Vô Động** (Ārya-acala), nay ta nói Tâm và An của vị ấy, nên hết thấy đại chúng đều lại nơi đây.”

Thời **Kim Cang Thủ Bồ-Tát** lại bảo ngài **Văn Thù Sur Lợi** rằng: “Thiện Nam Tử! Hãy lắng nghe! **Vô Biên Công Lực Đồng Kiện Vô Biên Như Lai Phụng Sự Bất động Tôn Đại Oai Nộ Vương**, lại có sáu mươi vạn ức hằng hà sa cu-chi Như Lai theo Giáo Pháp này mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ-Đề. Lại có vô lượng Trời, Rồng tám Bộ thường luôn cúng dường cung kính **thừa sự** (làm theo mọi việc). Nếu thường hay nhớ niệm Oai Nộ Vương, tức hay khiến hết thấy kẻ gây chướng nạn thấy đều tiêu trừ, không dám gần gũi, người tu hành sanh ra nơi nào thấy đều không có các việc Ma và những loại Quỷ Thân.”

Thời **Kim Cang Thủ Bồ-Tát** từ Tam-Muội **Kinh Giác** triệu tập hết thấy **Thanh Văn** (Śrāvaka), **Bích Chi Phật** (Pratyeka-buddha), hết thấy **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **Đạ-Xoa** (Yakṣa), **Càn-Thát-Bà** (Gandharva), **A-Tu-La** (Asura), **Khẩn-Na-La** (Kinnara), **Ma-Hầu-La-Nga** (Mahoraga), **người** (Maṇuṣya) và **Phi Nhân** (Amaṇuṣya), hết thấy Bàng Sanh... đều lại trong hội, lại khiến hết thấy các Tâm sai biệt của các loại Bàng Sanh hợp lại làm một, đồng trụ trong Tam-Muội tên là “**Diễm Thiêu Thế Giới Đại Oai**” (oai lực lớn thiêu đốt Thế Giới) thành một đồng lửa lớn chiếu rọi như bảy mặt trời, như cửa bể nuốt hết thấy các giòng nước không còn dư sót, nói **Đại Oai Nộ Vương**





“Năng mô tam mãn đà mầu đà nẫm. Nga nga năng, tam ma tam ma, sa phạ ha”

ॐ नमः समंता बुद्धानाम् गगना समा असामा

\*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ GAGANA SAMA ASAMA\_ SVĀHĀ

**Đồ Hương Cúng Đường Ấn**

Hai tay chấp nhau lại

Hai phong (2 ngón trỏ) như đàn chỉ (búng ngón tay)

Hai không (2 ngón cái) đè nơi phong (ngón trỏ)

“Năng mô tam mãn đà mầu đà nẫm. Vĩ thuật đà, hiển độ nạp bà phạ, sa phạ ha”

ॐ नमः समंता बुद्धानाम् विसुद्धागन्धा

\*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VIŚUDDHA-GANDHA- UDBHAVA\_ SVĀHĀ

**Lại dùng Ấn Đồ Hương**

Hai không (2 ngón cái) dựa bên phong (ngón trỏ)

Từ lóng giữa trở xuống

**Tên Hoa Cúng Đường Ấn**

“Năng mô tam mãn đà mầu đà nẫm. Ma ha muội đế rị dạ, tì dữu năng nga đế, sa phạ ha”

ॐ नमः समंता बुद्धानाम् महामैत्रिया

\*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ MAHĀ-MAITRIYA ABHYUDGATE\_ SVĀHĀ

**Hai tay Tam-Bổ-Tra**

Thắng Địa (ngón út) trụ dưới Thủy (ngón vô danh)

Hai Hỏa (2 ngón giữa) co lóng trên

Dựa chút ít dưới Thủy (ngón vô danh)

Hai Phong (2 ngón trỏ) co lóng giữa

Đầu tựa đầu ngón Không (ngón cái)

**Tên Thiêu Hương Cúng Đường**

“Năng mô tam mãn đà mầu đà nẫm. Đạt ma đà đát phạ nỗ nga đế, sa phạ ha”

ॐ नमः समंता बुद्धानाम् धर्मदधतु अनुगते

\*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ DHARMA-DHĀTU ANUGATE\_ SVĀHĀ

**Ấm Thực Cúng Đường Ấn**

Hai tay chấp trống lòng

Co hai Không (2 ngón cái) vào trong (lòng bàn tay)

“Năng mô tam mãn đà mầu đà nẫm. A ra ra, ca ra ra, ma lân na nhị, ma lân na ni, ma ha ma li, sa phạ ha”

ॐ नमः समंता अरार करार वल्ल ददध वल्ल ददध मन् वल्लः सुत्त

\*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ ARARA KARARA BALIṀ DADA MI\_ BALIṀ DADE \_ MAHĀ-BALIḤ\_ SVĀHĀ

**Dùng Ấn Ấm Thực trên**

Hai ngón Không (2 ngón cái) mở ra

Cách nhau như mặt trăng

Tên **Đăng Minh Cúng Dường**

“**Nắ**ng mò tam mấn đà mầu đà nằm. Đát ðà nghiệt ða ra chính, sa bậ

phạ bà sa nắng, nga nga nỏ na rị duệ, sa phạ ha”

ॐ नमः समन्ता बुद्धानाम् तथैगता-अर्चि स्फारणा

\*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TATHĀGATA-ARCI SPHARANA  
VABHĀSANA\_GAGANA-UDHĀRYA\_SVĀHĀ

\_ Lại kết **Vô Động Tôn**

**Căn Bản Bí Mật Ấn**

Hai tay xoa bên trong

Các ngón như cái vòng

Hai Không (2 ngón cái) dựa bên Thủy (ngón vô danh)

Đầu Hỏa (ngón giữa) dựa mặt Phong (ngón trỏ)

Hai Không (2 ngón cái) hợp nhau thẳng

\_ Lại kết **Bảo Sơn Ấn**

Hai tay xoa bên trong

Hai Không (2 ngón cái) vào Mấn Nguyệt (lòng bàn tay)

\_ Hai tay Kim Cang Quyền

Định Quyền (quyền trái) trên Huệ quyền (quyền phải)

Tên **Đầu Bí Mật Ấn**

\_ Dừng Ấn để trên đầu

Hai tay xoa bên trong

Hai Không (2 ngón cái) vào Mấn Nguyệt (lòng bàn tay)

Hai Phong (2 ngón trỏ) hợp nhau thẳng

An mắt và giữa mày (my gian)

Gọi là **Nhãn Bí Mật Ấn**

\_ Lại kết **Khẩu Bí Mật Ấn**

Hai Địa (2 ngón út) xoa bên trong

Thủy (ngón vô danh) đè giữa hai Địa (2 ngón út)

Hai ngón Hỏa (2 ngón giữa) thẳng đứng

Hai Không (2 ngón cái) đè móng Thủy (ngón vô danh)

Hai Phong (2 ngón trỏ) đè móng Hỏa (ngón giữa)

Đem Ấn để nơi miệng

\_ Lại nói tướng **Bí Mật Ấn**

Hai tay Tam-Bố-Tra

Phong (ngón trỏ) Không (ngón cái) như đàn chỉ (búng tay)

Tên gọi **Tâm Mật Ấn**

\_ Lại như Tam-Bố-Tra

Hai Hỏa (2 ngón giữa) thẳng như **Tràng** (cây phượng)

Phong (ngón trỏ) dựa lóng đầu Hỏa (ngón giữa)

Hai Thủy (2 ngón vô danh) như hình bấu  
Hai Địa (2 ngón út) và hai Không (2 ngón cái)  
Mỗi mỗi đều dựng đứng  
An tim và hai vai  
Cổ họng, xả trên đánh

Lại làm **Ác-Xoa-Bà**  
Tên **Sư Tử Phấn Tấn**  
Không đổi Mật Ấn trước  
Mở đứng ngón Huệ phong (ngón trở phải)

Lại kết **Hỏa Diễm Ấn**  
Tuệ Thủ (tay trái) dùng ngón Phong (ngón trở)  
Đề trên móng Thủy (ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa)  
Dựng Phong (ngón trở) trong Định Chưởng (lòng bàn tay trái)  
Xoay phải thành **Giới Phương**  
Xoay trái là **giải tán**

Lại **Hỏa Luân Chỉ Ấn**  
Hai tay nắm thành quyền  
Không (ngón cái) ló giữa Hỏa (ngón giữa) Phong (ngón trở)  
Hai quyền dựa lưng nhau  
Hay cầm chỉ các lửa

Lại **Thương Khư Mật Ấn**  
Định (tay trái) Không (ngón cái) đè Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)  
Tay phải cũng như vậy  
Duỗi hai Hỏa (2 ngón giữa) như kim  
Quán Phong (ngón trở phải) dựa lóng Hỏa (ngón giữa)  
Chỉ Phong (ngón trở trái) mở thẳng ra

**Bất Động Khát-Nga ấn** (Khadga mudra: Đao Ấn)  
Chỉ (tay trái) Không (ngón cái) đè Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh)  
Phong (ngón trở) Hỏa (ngón giữa) kèm duỗi thẳng  
Đẩy tên **Tam-Muội Tỏa**  
Tay Huệ (tay phải) cũng như vậy  
Quán (tay phải) Phong (ngón trở) Hỏa (ngón giữa) co vào  
Định (tay trái) Không (ngón cái) Thủy (ngón vô danh) Địa (ngón út) **hoàn** (cái vòng)  
Luân diện (mặt ngón tay) hợp cùng Nguyệt (lòng bàn tay)  
Tức nhãn (mũi nhọn của cây đao) trụ Định sao (tay trái là cái bao )  
Rút ra, thành các việc  
Nhóm: **Đoạn, Kết, Tịch, Hộ....**

Lại kết **Quyển Sách Ấn**  
Huệ (tay phải) Không (ngón cái) đè Thủy (ngón vô danh) Hỏa (ngón giữa)  
Và Địa (ngón út) là ba ngón  
Đưa Phong (ngón trở) vào Định Nguyệt (lòng bàn tay trái)







**Xí Dụng** (𣪗\_KHYAM) an trên đánh

Thành tựu **Thi Khur Kế** (búi tóc trên đánh)

**Đầu Kế Chân Ngôn** rằng:

“**Nặng mô tát phạt đát tha nghiệt đề tì dục, tát phạt mục khô tì dục, tát phạt tha. Úm, a tả la, xí-dụng, xí-dụng**” (Quy mạng như Đảnh Minh)

𣪗𣪗: 𣪗𣪗 𣪗𣪗𣪗𣪗𣪗: 𣪗𣪗 𣪗𣪗𣪗𣪗: 𣪗𣪗𣪗 𣪗𣪗 𣪗𣪗 𣪗𣪗 𣪗𣪗

\*) NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA MUKHEBHYAḤ SARVATHĀ OM ACALA-CANḌA KHYAM

**Khí** (𣪗\_KHI) an bên trái đầu

Thành một lọn tóc rử

**Thùy Kế Chân Ngôn** rằng:

“**Nặng mô tát phạt đát tha nghiệt đề tì dục, tát phạt mục khô tì dục, tát phạt tha, Úm, tán nōa, khí**” (Từ đây trở xuống, Chân Ngôn đều an trên đầu)

𣪗𣪗: 𣪗𣪗 𣪗𣪗𣪗𣪗𣪗: 𣪗𣪗 𣪗𣪗𣪗𣪗: 𣪗𣪗𣪗 𣪗𣪗 𣪗𣪗 𣪗𣪗 𣪗𣪗

\*) NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA MUKHEBHYAḤ SARVATHĀ OM ACALA-CANḌA KHI

**An Hám** (𣪗\_HĀM) ở nơi trán

Thành tướng **Ra Ra Tra**

**Hào tướng chân ngôn** rằng:

“**Hàm**”

𣪗

\*) HĀM

**An Hè** (𣪗\_HI) nơi hai tai

Thành tựu tai Kim Cang

**Nhĩ Tướng Chân Ngôn** rằng

“**Hè**”

𣪗

\*) HI

Mắt phải an **Đát-ra** (𣪗\_TRĀ)

Âm chữ này đọc dài

**Tra** (𣪗 Ṭ) để nơi mắt trái

Chữ này đọc nửa âm

**Nhãn Tướng Chân Ngôn** rằng

“**Đát ra tra**”

𣪗𣪗

\*) TRĀṬ

Chữ **Hông** (𣪗\_HŪM) an hai mũi

An xong tụng Chân Ngôn

“**Hông**”

𣪗

\*) HŪM

Chữ **Hạ** (𠂔\_HA) chuyển thứ chín

Tên **Hộ** (𠂔\_HO) an nơi miệng

Tụng **Khẩu Chân Ngôn** rằng

“**Hộ**”

𠂔

\*) HO

**Hạ** ngắn (𠂔\_HA) thêm điểm Không

Tên **Hàm** (𠂔\_HAM) an đầu lưỡi

Thành tướng lưỡi Kim Cang

Tụng **Thiệt Chân Ngôn** rằng

“**Hàm**”

𠂔

\*) HAM

**Mãng** dài (𠂔\_MĀ) an hai vai

Tụng **Kiên Chân Ngôn** đó:

“**Mãng**”

𠂔

\*) MĀ

**Mãng** ngắn (𠂔\_MA) thêm điểm Không

Gọi **Hàm** (𠂔\_MAM) an cổ họng

Tụng **Hầu Chân Ngôn** đó:

“**Hàm**”

𠂔

\*) MAM

**Đá** ngắn (𠂔\_TA) thêm điểm Không

Gọi **Đam** (𠂔\_TAM) an hai vú

An bố, tụng **Chân Ngôn**

“**Đam**”

𠂔

\*) TAM

**Ma** ngắn (𠂔\_BA) thêm Điểm Không

Gọi **Mãn** (𠂔\_BAM) an nơi tim

Tụng **Tâm Chân Ngôn** đó:

“**Mãn**”

𠂔

\*) BAM

**Tra** ngắn (𠂔\_TĀ) thêm điểm Không

An bố nơi lỗ rốn

Đại Không nghiêm sức nên  
Tức thành chữ **Tra-ám** (𣎵\_ ṬAM)

Tụng **Tề Chân Ngôn** đó:

“**Trá ám**”

𣎵

\*) ṬAM

Chữ **Tra** chuyển thứ chín (Ṭ\_ ṬO)

Đánh đội điểm Đại Không

An ở hai hông sườn

Tụng **Hiếp Chân Ngôn** đó:

“**Tra úm**”

Ṭ

\*) ṬOM

Đầu tiên tiếng chữ **Tra** (Ṭ\_ ṬA)

Nên dùng an nơi eo

An xong, tụng Chân Ngôn

“**Tra**”

Ṭ

\*) ṬA

Chữ **Hạ** (𣎵\_ HA) chuyển mười hai

Gọi **Hác** (𣎵\_ HAḤ) an hai đùi

Tụng **Bê Chân Ngôn** đó:

“**Hác**”

𣎵

\*) HAḤ

Chữ **Hạ** (𣎵\_ HA) chuyển mười một

Gọi **Hám** (𣎵\_ HAM) an hai gối

Xong tụng Chân Ngôn đó:

“**Hám**”

𣎵

\*) HAM

Chữ **Ha** (𣎵\_ HA) chuyển thứ hai (𣎵\_ HĀ)

Lại thêm điểm Đại Không

Gọi **Hám** (𣎵\_ HĀM) an hai chân

Tụng **Túc Ân Chân Ngôn**:

“**Hám**”

𣎵

\*) HĀM

Đây Thánh Vô Động Tôn  
Ma Ha Oai Nộ Vương

Pháp **Bồ Tỳ** (an bày chữ) bí mật  
 Mười chín loại Chân Ngôn  
 An bố các chi phần  
 Bồ-Tát tu Chân Ngôn  
 An bố như vậy xong  
 Tỳ thân đồng Thánh Giả  
 Hết thầy **Trời** (Deva) **Tu-La** (Asura)  
 Và mười địa Bồ Tát  
 Không thể làm dao động  
 Hết thầy Trời và **Rồng** (Nāga)  
 Tám Bộ, các Quỷ Thần  
 Trong các loài như thế  
 Làm **La Nhạ** (Rāja:vua chúa) tỳ tại

Lại nữa, Thánh Vô Động Tôn Đại Oai Nộ Vương nói **Đại Thân Chân Ngôn** rằng:

“**Năng** mô tam mãn đà phạ nhật ra noãn, a mộ già, ể hê, a bát ra để ha đa, ê hê, a tả ra tế tra, a nan đa ca năng, để sắc tra để sắc tra, tả nũa tả nũa, đa ni đất tra, vĩ lạc nam, đà đa dã trà a ra dã, khur na dã, tát đa đạn tả danh, a nũa mãn đà, a khát nưong, cu rô, a sa hà, đà năng, khát ra, yết tra yết tra, mãn tra mãn tra trà, hám hám, a để ma ra, đái hê ma ha hận nũa tịch sái nũa, nại tra nại tra, a vĩ xã a vĩ xã, a tả ra chế tra, tát phạ đất ra nũa đa lại tra ca, tế tra đa tra đa tra, na ma na ma, phát tra phát tra, hám mam”

ॐ: समं वज्रं अमयं एतं अघोरं एतं अथ वज्रं क  
 (ॐ) (ॐ) वज्रं वज्रं गण गण वचं चलय मयं वदयं मयं व मयं मयं  
 अङ्कुरं अमरं वज्रं कटक मम मं कं अमयं एतं मं  
 कुं कुं वज्रं वज्रं अथ वज्रं अथ वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं  
 वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं वज्रं

\*) NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM AMOGHA EHI APRATIHAṬĀ EHI ACALA-CETA ANANTA-KANA TIṢṬA TIṢṬA CAṆḌA CAṆḌA TAṆĪ TAṬAU VIGHNAM-GHATĀYA MĀRAYA KHADAYA SATVĀNĀMCA ME ANU MĀDHĀ AJŅA KURU ASAHA DHĀNĀGRANA KAṬA KAṬA MAṬA MAṬA HAM HAM ATI MALA EHI MAHĀ-KUNḌĀBHIṢAṆA DAṬA DAṬA AVIṢA AVIṢA ACALA-CETA SARVA TARANULĀMTĀKA CEṬATĀ DAMA DAMA PHAṬ PHAṬ HĀM MĀM

Thánh Giả Vô Động Tôn Đại Oai Nộ lại nói **Tam-Ma-Da Nhiếp Triệu Chân Ngôn** rằng:

“**Năng** mô tam mãn đà mộ đà bát ra để hạ đa phạ nhật ra nãn, a bát ra để ha đa, cu thí, a năng dã, **Hồng**, a mộ đà, ma ha ma hận, cu thí, a năng dã, **hồng**, ma ha để lị tam ma dưong, cu thí, **hồng**, đất ra tra đất ra tra, phạ nhật lễ, ra tra ra tra, phạ nhật la, ca tra ca tra, phạ nhật lễ, năng tra năng tra, phạ nhựt lễ, đa hê đa hê, đa cu rô tam ma dã, phạ nhật ra, ma ha ma ra vĩ yết ra nhạ, a năng dã, thí ca lam, sa đà bạt dã tát vông, mãn đà dã, sa ra ma rị thuật rị nể mộ chỉ kế mộ tả dã, mãn yết ra nan đa ma ma để nể, a tam nhạ, để rị tam ma dã, ma ha ma hận cự thí, a sa hà vông nưong nể, **hồng**, hà, thí **hồng**, hà ra hà ra, a tam nhạ, đất ra hê ma, a ma hận cu thí, **hồng**, a yết sái dã, a tam vông hận nể, sa phạ ha”

ॐ नमः समन्तमखण्डकण वज्रं अखण्डकं कुण्डलं शिवं ह्रीं अमयं  
मन्मथं कुण्डलं शिवं ह्रीं मन्मथं कुण्डलं ह्रीं मन्मथं वज्रं वज्रं वज्रं  
कटकक वज्रं वज्रं वज्रं गण्डगण्डं नं कुण्डलं मन्मथं वज्रं मन्मथं वज्रं  
शिवं शिवं शिवं मन्मथं कुण्डलं अमन्मथं ह्रीं नन्दनं अमन्मथं वज्रं  
मन्मथं कुण्डलं अमन्मथं अमन्मथं

\*)NAMAḤ SAMANTA-AMOGHA APRATIHAṬĀ-VAJRĀNĀM  
APRATIHAṬĀU KUŚĪ ĀNAYA HŪM AMOGHA MAHĀ-MARĀM KUŚĪ  
ĀNAYA HŪM MAHĀ-TRISAMAYĀM KUŚĪ HŪM TRĀṬ TRĀṬ VAJRI  
RATA RATA VAJRI KAṬA KAṬA VAJRI NAṬA NAṬA VAJRI TĀHI  
TĀHI TĀM KURU SAMAYA-VAJRĀ MAHĀ-MALA VIKRAME ĀNAYA  
ŚĪGHRAM STĀPAYĀ SAVAM BANDHAYA SĀRE MARI VARINI MOCIKE  
MACAYA VANTĀM ANANTA MAMA TINĪ ASAME TRI-SAMAYA  
MAHĀ-MARĀMKUŚĒ ASAHA ASAMA AGNI HŪM HARA HARA ASAME  
TRĀHI MAHĀ-MARĀMKUŚĪ HŪM AKARṢAYA ASAMA AGNI SVĀHĀ

Thánh giả Vô Động Đại Oai Nộ Vương lại nói Hộ thân kết giới tam-ma-da chân  
ngôn rằng:

“Năng mô tam mãn đà phạ nhựt ra nản, đát ra tra, a mộ già, tán nũa, ma ha  
lộ sái nũa, sa bạt tra dã, a năng dã, a sa hà, a tam vông hận nễ, hồng hồng, vĩ cận  
nam, hồng, đát ra tra”

ॐ नमः समन्तं वज्रं ह्रीं अमयं वज्रं मन्मथं वज्रं मन्मथं  
मन्मथं ह्रीं ह्रीं वज्रं ह्रीं

\*)NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM TRĀṬ AMOGHA-CANḌA MAHĀ-  
ROṢAṆA SPHAṬYA ANAYA ASAHA SAMAGNI HŪM HŪM VIGHNAM  
HŪM TRĀṬ

Thánh giả Vô Động Đại Oai Nộ Vương lại nói gia hộ nơi chỗ ở. Chân Ngôn rằng:

“Năng mô tam mãn đà phạ nhựt ra noản, đát ra tra, a mộ đà tán nũa, ma hộ  
lộ sái nũa, bạt tra dã, tát phạ vĩ cận nam, ma ma sa phạ sa đễ, phiến đễ, thỉ vãm nhạ,  
a tả ra đa, cự rô, đát ra ma dã, đát ra tra, hám mam”

ॐ नमः समन्तं वज्रं ह्रीं अमयं वज्रं मन्मथं वज्रं मन्मथं मन्मथं  
मन्मथं वज्रं मन्मथं वज्रं मन्मथं

\*) NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM TRĀṬ AMOGHA-CANḌA MAHĀ-  
ROṢAṆA SPHAṬYA SARVA VIGHNAM MAMA SVĀSTI ŚĀNTI ŚĪVAM  
ME ACALATĀM KURU TRĀMAYA TRĀMAYA HŪM TRĀṬ HĀM MĀM

Lại nói Pháp Môn Vô Tỷ Lực Thánh Giả Vô Động Tôn Năng Thành Biện Nhất  
Thiết Sự Nghiệp.

- Ăn rau mà niệm tụng
- Số đủ mười vạn biến
- Nhịn ăn một ngày đêm
- Theo sức cúng dường lớn
- Làm sự nghiệp Hộ-Ma
- Nên dùng cây Khổ Luyện
- Hai đầu bôi bơ thiêu
- Tám ngàn cây làm hạn (giới hạn)

Hạnh đầu tiên đã thành  
Mọi nguyện cầu trong Tâm  
Thảy đều được thành tựu  
Nói ra được tùy ý  
Chỗ Nhiếp Triệu liền đến  
Muốn thí nghiệm Pháp thành  
Hay làm gãy cây cối  
Hay làm rớt chim bay  
Khiến nước sông khô cạn  
Khiến cạn nước ao hồ  
Hay khiến nước chảy ngược  
Hay dời núi khiến động  
Cấm ngăn các Ngoại Đạo  
Khiến Chú Thuật không linh

Lại nữa, Pháp thành tựu  
Đợi đến lúc Nguyệt Thực  
Nhịn ăn một ngày đêm  
Dùng phân của bò vàng  
Chưa rớt xuống mặt đất  
Tô đắp Mạn-Đà-La  
Đề Kinh Đại Bát-Nhã  
Dùng các diệp hoa hương  
Tán rải ở trên Đàn  
Lại dùng bơ bò vàng  
Mẹ con cùng một màu  
Đủ số bơ một lượng  
Đựng trong đồ đồng đỏ  
Dùng cây Khu-Đà-La  
Khuấy bơ mà gia trì  
Khiến hiện ra ba tướng  
Ấm hay thành Kính Ái  
Tướng khói hiện nhan sắc  
Khiến tăng trưởng tuổi thọ  
Tướng ánh lửa (hỏa quang) hiện ra  
Chân đạp trên hư không  
Được thành tựu Đại Tiên

Lại nữa ở đỉnh núi  
Nhịn ăn mà niệm tụng  
Mãn số một lạc-xoa  
Hay thấy các Phục Tàng  
Muốn lấy đều tự tại

Tiếp Pháp trừ **Tử Tai** (tai nạn gây chết chóc)  
Dùng sữa làm Hộ-Ma  
Ngàn biển làm giới hạn  
Hay trừ tai nạn chết

Lại Pháp trừ **Đại Tử** (sự chết chóc lớn nhiều)  
Dùng cỏ Cốt Lự, bôi  
Bơ, sữa, mật Hộ Ma  
Mãn một ngàn vạn biến  
Hay trừ nạn chết lớn  
Nhân dân ở trong nước  
Bị tật dịch chết yếu  
Tức là **đại tử nạn** (nạn chết lớn)

Lại nữa pháp thành tựu  
Dùng nhóm bơ, lạc, mật  
Tâm hoa sen Hộ Ma  
Mãn một lạc xoa biến  
**Liên Hoa Đại Cát Tường**  
**Thiên Nữ** hiện trước mặt  
Khiến Hành Giả mãn nguyện

Lại nữa Pháp thành tựu  
Vào trong nước biển, sông  
Sâu đến tận hai vai  
Ở trong tác niệm tụng  
Mãn số ba lạc-xoa  
Được một Đại Tụ Lạc  
Tùy vật đã Hộ Ma  
Được áo màu như vậy  
Nếu dùng lúa Hộ Ma  
Được ngũ cốc không tận

Lại có pháp Hộ-Ma  
Dùng quả Mật La Phạ  
Hộ-ma mười vạn biến  
Sẽ được quả làm vua

Lại có pháp Hộ-Ma  
Dùng **Tỷ Lý Dụng Ngụ**  
**Hoa**, Hộ Ma mười vạn  
Thành tựu việc Kính Ái

Lại pháp dùng cây Tùng  
Hộ-Ma mười vạn biến  
Được mọi người quy kính

Lại pháp dùng Đại Mạch  
Hộ-Ma mười vạn biến  
Được thành đại trưởng giả

Lại nói Nghi tắc pháp  
**Vẽ Tượng Vô Động Tôn**  
Ở trên Cà Sa vẽ

Thánh Giá **Vô Động Tôn**  
Rũ lọn tóc bên phải  
Mắt bên trái nhắm lại  
Tay phải cầm kiếm bén  
Tay trái cầm sợi dây (quyển sách)  
Ngồi trên bàn đá báu  
Hiện tướng đang la lớn  
Tướng làm ba cõi sợ  
Toàn thân đều màu xanh  
Lại nói về Cà Sa  
Hoặc đỏ hoặc cà-đà  
Tơ lụa của màu vải  
Đấy gọi là Cà Sa

Vẽ Tượng làm thành tựu  
Đi đến bờ sông, biển  
Quần áo người tu hành  
Màu sắc y như Tượng  
Bỏ hết các việc đời  
Dứt các ngôn thuyết khác  
Khất thực (đi xin ăn) mà niệm tụng  
Đủ năm lạc-xoa biển  
Xong rồi lại nhịn ăn  
Trọn một ngày một đêm  
Nên dùng Chiên-Na-Ca  
Hình như là hạt đậu  
Hòa bơ làm hộ-ma  
Nhiều nhất là một vụn  
Vô Động Tôn hiện thân  
Phụng sự người tu hành  
Cũng như **Bà-nga-vam** (Thế Tôn)  
Được thành Tam-Ma-Địa  
Cùng chư đại Bồ tát  
Đồng đi đứng , làm việc

Lại nói pháp vẽ tượng  
Dùng quần áo người chết  
Vẽ Thánh Vô Động Tôn  
Tướng mạo như đã nói  
Chích lấy máu thân mình  
Vẽ mắt tượng Vô Động  
Đề Tượng, mặt ở Tây  
Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát  
Mặt Đông, ngồi đối Tượng  
Ba thời đều tắm gội  
Mặc áo tắm ướt át  
Không nói , tác trì tụng  
Đủ mười vụn biển xong



Dùng các món ăn uống  
Thí (cúng thí) tất cả Quỷ Thần  
Ngày tám, kỳ Hắc Nguyệt (15 ngày cuối của tháng)  
Nhịn ăn một ngày đêm  
Lấy thầy chết chưa rã  
Toàn thân không tỳ vết  
Các căn đều đầy đủ  
Tuổi trẻ, đáng Trượng Phu  
Được thầy chết như vậy  
Nên ngồi trên trái tim  
Niệm tụng một vạn biến  
Thầy chết liền động đậy  
Người tu không được sợ  
Miệng xác lộ hoa sen (diệu liên)  
Tức liền nên cắt lấy  
Cầm, liền bay trong không (đăng không)  
Thành tựu **Trì Minh Tiên**  
Thân trạng như Phạm thiên  
Làm vua trong hàng Tiên

Nếu ba thời trước Tượng  
Niệm tụng đủ sáu tháng  
Tùy sức, làm cúng dường  
Thieu đốt Trầm Thủy Hương  
Được thành tựu Vương Vị (làm vua)

Lại pháp chú tràng phan (phương, phan)  
Đầy đủ một ngàn biến  
Hay hàng phục tha quân (quân ở nơi khác đến)  
Muốn chặn các oán địch  
Vẽ thân lớn màu vàng  
Bốn mặt và bốn tay  
Miệng lộ răng nanh bén  
Làm hình đại bạo ác  
Khắp thân thành lửa rực  
Tướng ăn nuốt sức khác (tha lực)  
Khi có chiến trận thời  
Đề tượng phía trước quân  
Giống như dùng dây trói (quyển sách)  
Làm tướng cột trói kia  
Khiến kẻ khác quy hàng

Nếu muốn thành Kính Ái  
Lấy muối làm hình người  
Kêu tên rồi chặt cắt  
Hộ-Ma trong bảy ngày  
Dầu có oai đức lớn  
Đều đi đến phục tòng

Lại có pháp thành tựu  
Hộ-Ma **Nhạ ĐỂ HOA**  
Đủ số mười vạn biến  
Được Dược Xoa Nữ đến  
Phục tòng người Trì Minh

Lại có Pháp Hộ Ma  
Lấy lá gió thổi rơi  
Y Pháp làm Hộ Ma  
Khiến kẻ kia điên cuồng

Lại Hộ Ma **Nhiếp Triệu**  
Lấy muối mà thiêu đốt  
Hay nhiếp các Thiên Nữ  
Và triệu nhóm Tiên Nữ

Lại pháp An Tức Hương  
Làm sự nghiệp Hộ Ma  
Trong nước làm Đại Thần

Lại pháp vẽ **Thích-Ca**  
**Mâu-Ni Như Lai tượng**  
Bên phải vẽ **Văn-Thù**  
Hình tướng của **Đồng Tử**  
Trái vẽ **Kim Cang Thủ**  
**Bồ-Tát** hình mỉm cười  
Bên dưới vẽ **Vô Động**  
**Đại Oai Nộ Kim Cang**  
Đeo mọi loại anh lạc  
Dùng nghiêm sức thân phần

Vẽ xong ở trước Tượng  
Niệm tụng năm mươi vạn  
Tất cả đều thành biện  
Đánh giấc dùng **Nhân ấn**  
Tụng Chân Ngôn chữ **Hồng ( 唵\_HŪM)**  
Hết thầy các oán địch  
Hay khiến bị điên cuồng  
Nếu Hành giả không giải  
Sẽ bị cho đến chết

Lại nữa thành Kính Ái  
Dùng tro thiêu tử thi  
Gia trì đủ bảy biến  
Rải trên thân người kia  
Liền thành tựu Kính Ái

Lại pháp dùng Ngưu Hoàng  
Gia trì đủ bảy biển  
Chấm nơi giữa chân mây  
Tất cả đều phục tòng  
Không ai dám chống trái

Lại nữa quán thân mình (tự thân)  
Thành hình trạng Bốn Tôn  
Dùng văn tự Chân Ngôn  
An bố các thân phần  
Các loài khó điều ngự  
Quý Thần thường theo dựa  
Tất cả đều tan hoại  
Lại khi Chánh Báo hết  
Hay sống thêm sáu tháng

Lại trên vách vẽ **Kiểm**  
Dùng Rong **Câu Lý Ca** (Kulika)  
Quần quanh ở trên kiếm  
Gia trì một ngàn biển  
Trong kiếm quán chữ A (𑀅)  
Sanh ánh lửa oai mãnh  
Khiến người bệnh nhìn vào  
Tức được **a-vĩ-xả** (Avisa:biển nhập)  
Hỏi gì đều nói rõ

Nếu như trong mỗi ngày  
Tụng một trăm tám biển  
Vô Động Tôn thường theo  
Bồ Tát tu Chân Ngôn  
Khi ăn còn dư thừa  
Đem để nơi sạch sẽ  
Cúng Vô Động Sứ Giả  
Tùy tâm được Tất Địa

Lại Pháp nơi giận dữ  
Đọc Chân Ngôn chữ **Hồng** (𑀅\_HŪM)  
Hay chận đứng mưa, mây

Lại pháp dùng Thứ Mộc (cây có gai nhọn)  
Làm sự nghiệp Hộ Ma  
Hay chận mưa gió lớn  
Lại hay thành mọi việc

Lại nữa Pháp vẽ Tượng  
Ở trên cà-sa vẽ  
Nên dùng màu đen xanh  
Rũ lọn tóc bên trái

Làm hình trạng Đồng Chân (đồng tử)  
Tay cầm Thước-Khất-Đề  
Hoặc cầm Bạt-Chiết-La (chày Kim Cang)  
Tròng mắt màu hơi đỏ  
Chung quanh lửa cháy mạnh  
Ngồi ở trên bàn sơn (ngọn núi như cái bàn)  
Núi đỏ màu vàng đỏ  
Mặc áo quần màu xanh  
Tướng mạo như con nít  
Đôi trước Tượng vẽ này  
Kết tất cả Mật Ấn  
Thấy đều được thành tựu  
Việc nghĩ nhớ lúc trước  
Hoặc cũ hay là mới  
Thấy đều thành tựu được  
Hết thấy pháp ấn hình  
Luân, kiếm, Phi không, thuốc

Nếu không có tượng vẽ  
Chỉ ở nơi thanh tịnh  
Niệm tụng đều thành tựu

Lại pháp dùng cái kiếng (gương soi)  
Trong kiếng thấy các việc  
Hoặc Tượng vẽ trên vách  
Hỏi xem các sự việc  
Thấy đều được tùy ý

Lại dùng người không bệnh  
Đồng nam hoặc đồng nữ  
Làm pháp a-vĩ-xa (Pháp Biến Nhập)  
Hỏi các việc ba đời  
Thấy đều được thành biện

Tiếp lại nói Pháp Môn  
Thành Tựu của Sứ Giả  
Ngày một, kỳ Hắc Nguyệt  
Trước tượng, ba thời niệm  
Đều một trăm tám biến (108 biến)  
Đến ngày mười lăm, bạch (kỳ Bạch Nguyệt: 15 ngày đầu của tháng)  
Lúc mặt trăng tròn đầy  
Như trước đã diễn nói  
Đầu tiên pháp Thừa Sự  
Dùng củi cây Khổ Luyện  
Và dùng Bạch Giới Tử (hạt cải trắng)  
Từ hoàng hôn khởi đầu  
Hộ-Ma đến nửa đêm  
Sứ Giả liền đi đến

Chẳng đến, hết một đêm  
Quyết định sẽ xuất hiện  
Đến hỏi người Trì Minh  
Nếu có mong cầu gì  
Tùy ý mà sai khiến  
Thấy đều y phụng hành

Nếu muốn đến cung Trời  
Sứ giả đều công đi  
Khiến bắt nhóm Phi Hậu  
Thê Nữ Trời Đế Thích  
Cũng đều hai đem đến  
Nếu bảo xây cung quán  
Thấy đều hay thành biện  
Khiến xúc miệng xia răng  
Quét dọn làm các việc  
Thấy đều theo ý làm  
Nếu sai khiến làm việc  
Tất cả đều làm xong  
Như là của Thánh Giả  
Đều khiến thành biện hết

Nếu Hộ-Ma một đêm  
Sứ Giả không xuất hiện  
Tức quyết định sẽ chết

**Thánh Vô Động Sứ Giả**  
**Pháp Môn** đã nói xong.

KIM CANG THỦ QUANG MINH QUÁN ĐỈNH KINH  
TỐI THẮNG LẬP AN THÁNH VÔ ĐỘNG TÔN ĐẠI OAI NỘ VƯƠNG  
NIỆM TỤNG NGHI QUỸ PHÁP PHẨM  
\_MỘT QUYỀN (Hết)\_

Hiệu chỉnh xong vào ngày 08/03/2012